



Mã nhận dạng 16160

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118026	Đinh Ngọc Cường	DH19CC			5,6	4,6	5,0	4,9	0012345678910	0123456789
2	19137028	Sầm Khắc Huy	DH19NL			10	9,4	10	9,8	0012345678910	0123456789
3	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL			10	8,5	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
4	19153001	Trần Phước An	DH19CD			7,0	8,5	9,8	9,2	0012345678910	0123456789
5	19153002	Nguyễn Đức Anh	DH19CD			5,6	8,3	3,0	5,0	0012345678910	0123456789
6	19153003	Vũ Văn Cương	DH19CD			7,0	8,2	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
7	19153004	Nguyễn Hải Đăng	DH19CD			7,0	8,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	19153006	Võ Quan Đăng	DH19CD			10	8,9	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	19153008	Ngô Trung Dinh	DH19CD			10	7,8	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
10	19153010	Nguyễn Ngọc Dương	DH19CD			10	8,8	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
11	19153011	Huỳnh Cao Duy	DH19CD			7,0	8,9	10	9,5	0012345678910	0123456789
12	19153012	Lê Công Tiến Duy	DH19CD			7,0	8,9	9,8	9,4	0012345678910	0123456789
13	19153013	Nguyễn Võ Anh Duy	DH19CD			7,0	8,8	7,0	7,6	0012345678910	0123456789
14	19153014	Phạm Đình Duy	DH19CD			7,0	8,3	4,9	6,2	0012345678910	0123456789
15	19153015	Phan Nguyễn Minh Duy	DH19CD			7,0	8,3	9,8	9,1	0012345678910	0123456789
16	19153016	Mai Xuân Hải	DH19CD			7,0	8,3	10	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16160

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 001_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153019	Bùi Anh	Hiếu	DH19CD	<i>vắng</i>					0012345678910	0123456789
18	19153020	Nguyễn Ngọc	Hiếu	DH19CD		70	6,5	5,5	5,9	0012345678910	0123456789
19	19153026	Trần Quốc	Huy	DH19CD		81,6	8,9	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
20	19153029	Hoàng Cao	Khải	DH19CD		10	10	3,3	6,0	0012345678910	0123456789
21	19153030	Nguyễn Duy	Khang	DH19CD		70	8,5	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
22	19153033	Mai Đăng	Khoa	DH19CD		10	8,9	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
23	19153034	Chu Trương Đăng	Khôi	DH19CD		10	81,6	7,3	7,9	0012345678910	0123456789
24	19153035	Lê Quang	Kiên	DH19CD		10	9,3	10	9,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Tiến

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16161

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 002_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			70	9,0	70	77	0012345678910	0123456789
2	19153036	Trần Anh Kiệt	DH19CD			70	8,7	9,8	9,3	0012345678910	0123456789
3	19153037	Đinh Văn Quyền	DH19CD			70	7,9	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
4	19153039	Lê Văn Lộc	DH19CD			10	7,6	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
5	19153041	Đặng Sơn Minh	DH19CD			10	5,8	7,0	6,7	0012345678910	0123456789
6	19153043	Lê Tấn Thương	DH19CD			70	8,5	7,8	8,0	0012345678910	0123456789
7	19153044	Trần Văn Nam	DH19CD			70	8,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
8	19153048	Lý Thanh Nhân	DH19CD			70	8,4	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
9	19153049	Võ Văn Nhất	DH19CD			5,6	8,9	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
10	19153052	Đỗ Văn Tình	DH19CD			10	9,1	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
11	19153056	Lê Văn Phong	DH19CD			70	9,0	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
12	19153057	Nguyễn Duy Phong	DH19CD			70	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
13	19153058	Cao Thành Phú	DH19CD			70	9,2	9,8	9,4	0012345678910	0123456789
14	19153061	Nguyễn Hồng Phúc	DH19CD			70	9,2	9,3	9,1	0012345678910	0123456789
15	19153062	Trần Nguyên Anh	DH19CD			0	5,3	4,0	4,3	0012345678910	0123456789
16	19153063	Lăng Hồng Quân	DH19CD			70	6,2	4,0	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16161

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 002_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153064	Lê Hữu Quý	DH19CD			7,0	9,3	10	9,6	0012345678910	0123456789
18	19153065	Lê Văn Quý	DH19CD			10	9,9	10	10	0012345678910	0123456789
19	19153066	Nguyễn Trần Sang	DH19CD			10	9,9	8,8	9,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trưởng Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16162

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 003_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118209	Nguyễn Thanh	Thắng	DH19CC		10	8,7	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
2	19118272	Nguyễn Quốc	Vĩ	DH19CK		10	8,8	4,0	6,0	0012345678910	0123456789
3	19137070	Nguyễn Quốc	Thành	DH19NL		7,0	9,3	3,4	5,6	0012345678910	0123456789
4	19153068	Huỳnh Văn	Tân	DH19CD		10	9,3	5,9	7,3	0012345678910	0123456789
5	19153071	Nguyễn Cao	Thắng	DH19CD		7,0	9,3	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
6	19153073	Nguyễn Tuấn	Thanh	DH19CD		7,0	9,3	6,8	7,7	0012345678910	0123456789
7	19153074	Đào Minh	Thành	DH19CD		10	9,9	7,3	8,3	0012345678910	0123456789
8	19153075	Nguyễn Tấn	Thành	DH19CD		7,0	9,4	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
9	19153077	Nguyễn Gia	Thịnh	DH19CD	vắng					0012345678910	0123456789
10	19153078	Nguyễn Hưng	Thịnh	DH19CD		5,6	9,1	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
11	19153079	Hoàng	Thông	DH19CD		10	9,2	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
12	19153080	Kiều	Thuy	DH19CD		10	9,8	4,3	6,5	0012345678910	0123456789
13	19153081	Bùi Quang	Tiến	DH19CD		4,2	9,0	4,0	5,8	0012345678910	0123456789
14	19153082	Nguyễn Công Quyết	Tiến	DH19CD		7,0	9,4	7,0	7,8	0012345678910	0123456789
15	19153083	Giáp Trung	Tín	DH19CD		7,0	6,8	7,5	7,2	0012345678910	0123456789
16	19153086	Tạ Thị Ngọc	Trình	DH19CD		10	10	8,0	8,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16162

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CD_01

Tổ Thi 003_DH19CD_01

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19153087	Đặng Nguyễn Thành	Trung	DH19CD		70	69	8,0	76	0012345678910	0123456789
18	19153088	Nguyễn Công	Trường	DH19CD		40	40	7,5	8,5	0012345678910	0123456789
19	19153089	Phạm Lê Tấn	Trường	DH19CD		5,6	6,5	4,0	4,9	0012345678910	0123456789
20	19153090	Mai Lê	Tú	DH19CD		5,6	7,7	5,8	6,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16163

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 001_DH19CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118005	Lương Thái Ban	DH19CC			10	9,6	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
2	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			10	10	5,8	7,5	0012345678910	0123456789
3	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			10	9,8	5,8	7,4	0012345678910	0123456789
4	19118008	Lê Đình Bảo	DH19CC			10	9,5	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
5	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			7,0	6,3	8,0	7,4	0012345678910	0123456789
6	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			7,0	9,6	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
7	19118017	Đỗ Tấn Cảnh	DH19CC			5,6	5,7	2,0	3,5	0012345678910	0123456789
8	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			10	8,8	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
9	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			10	9,8	6,0	7,5	0012345678910	0123456789
10	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			10	10	8,5	9,1	0012345678910	0123456789
11	19118029	Nguyễn Hữu Đăng	DH19CK			10	9,4	8,5	8,9	0012345678910	0123456789
12	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			7,0	9,4	5,0	6,7	0012345678910	0123456789
13	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			7,0	9,7	8,3	8,7	0012345678910	0123456789
14	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK			4,2	4,5	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
15	19118040	Lê Văn Đỗ	DH19CK			10	9,4	5,8	7,3	0012345678910	0123456789
16	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			10	9,5	2,8	5,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16163

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 001_DH19CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118048	Dương Hoàng Duy	DH19CC			10	9,5	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
18	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			10	9,7	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
19	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			10	9,7	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
20	19118060	Dương Trung Hậu	DH19CC			8,6	8,8	7,8	8,2	0012345678910	0123456789
21	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL			8,6	3,5	9,8	7,5	0012345678910	0123456789
22	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL			7,0	9,7	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
23	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL			7,0	9,7	8,3	8,7	0012345678910	0123456789
24	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL			5,6	9,1	10	9,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

74
Trương Quang Trí

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16164

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC	vắng						0012345678910	0123456789
2	19118061	Lê Lý Hậu	DH19CC			70	8,6	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
3	19118072	Lăng Ngọc Hoàng	DH19CK			10	5,1	1,3	3,1	0012345678910	0123456789
4	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			10	9,6	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
5	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			8,9	9,5	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
6	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			70	8,7	3,3	5,4	0012345678910	0123456789
7	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			3,0	8,1	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
8	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			10	9,5	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
9	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			10	9,2	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
10	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			8,6	8,7	8,4	8,5	0012345678910	0123456789
11	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			70	8,3	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
12	19118116	Lâm Văn La	DH19CC			5,6	8,4	4,4	5,9	0012345678910	0123456789
13	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			70	8,7	6,0	7,0	0012345678910	0123456789
14	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			70	9,0	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
15	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			5,6	4,9	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
16	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC	vắng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16164

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 15 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118127	Nguyễn Bình	Lộc	DH19CK		7,2	9,0	8,8	8,8	0012345678910	0123456789
18	19118128	Trần Thanh	Lộc	DH19CK		10	9,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
19	19118129	Nguyễn Bá	Lợi	DH19CK		10	9,2	10	9,7	0012345678910	0123456789
20	19118137	Bùi Duy	Lũy	DH19CK		5,6	8,6	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
21	19118140	Nguyễn Hoàng	Mạnh	DH19CC		10	9,9	7,5	8,5	0012345678910	0123456789
22	19137025	Nguyễn Minh	Huy	DH19NL		7,0	8,7	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
23	19137029	Trần Văn	Huy	DH19NL		7,0	8,9	9,8	9,3	0012345678910	0123456789
24	19137042	Bùi Thị Yến	Mi	DH19NL		5,6	9,5	9,8	9,5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trưởng Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16165

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 003_DH19CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			7,0	2,1	7,0	5,3	0012345678910	0123456789
2	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			10	9,2	8,0	8,5	0012345678910	0123456789
3	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			10	8,9	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
4	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			10	8,8	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
5	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			7,0	8,9	7,8	8,2	0012345678910	0123456789
6	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK			5,6	8,2	2,2	4,5	0012345678910	0123456789
7	19118160	Trần Bá Nguyên	DH19CC			7,0	7,8	4,0	5,5	0012345678910	0123456789
8	19118168	Thân Văn Nhớ	DH19CK			10	9,9	3,9	6,3	0012345678910	0123456789
9	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			10	8,4	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
10	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			10	8,7	5,8	7,0	0012345678910	0123456789
11	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			10	9,3	10	9,8	0012345678910	0123456789
12	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			5,6	7,8	4,8	5,9	0012345678910	0123456789
13	19118188	Bùi Nguyễn Quang	DH19CC			7,0	8,9	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
14	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			7,0	8,8	5,3	6,6	0012345678910	0123456789
15	19118191	Trương Thanh Quý	DH19CK			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
16	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			10	9,1	6,0	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16165

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 003_DH19CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137054	Huỳnh Thị Ngọc	Quý	DH19NL		10	9,6	10	9,9	0012345678910	0123456789
18	19137061	Lương Ngọc	Tân	DH19NL		70	9,7	6,0	7,3	0012345678910	0123456789
19	19137062	Nguyễn Đăng	Tân	DH19NL		5,6	9,7	4,0	6,1	0012345678910	0123456789
20	19154101	Dương Trọng	Ngôn	DH19OT		10	9,6	10	9,9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Quang Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16166

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 004_DH19CK_02

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 45 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118164	Lê Minh	Trung	DH18CC		70	9,1	9,3	9,1	0012345678910	0123456789
2	19118212	Trần Quốc	Thắng	DH19CK		10	9,8	70	8,1	0012345678910	0123456789
3	19118216	Nguyễn Tiến	Thành	DH19CK		10	8,7	5,0	6,5	0012345678910	0123456789
4	19118222	Nguyễn Trần Xuân	Thiên	DH19CK		56	4,6	4,5	4,6	0012345678910	0123456789
5	19118224	Lâm Thanh	Thiện	DH19CC		70	8,4	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
6	19118232	Ngô Kế Minh	Thuận	DH19CK		70	7,6	3,8	5,3	0012345678910	0123456789
7	19118235	Trần Thành	Tiên	DH19CC		70	6,1	9,5	8,2	0012345678910	0123456789
8	19118241	Trần Hữu	Tin	DH19CK		10	9,8	5,5	7,2	0012345678910	0123456789
9	19118242	Phan Đặng Hoài	Tinh	DH19CK		10	8,8	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
10	19118252	Nguyễn Trần Minh	Trí	DH19CK		70	9,4	70	7,9	0012345678910	0123456789
11	19118257	Trương Minh	Trung	DH19CK		10	9,0	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
12	19118259	Nguyễn Đức	Trường	DH19CK		10	8,6	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
13	19118260	Nguyễn Nhật	Trường	DH19CC		70	8,6	7,6	7,9	0012345678910	0123456789
14	19118264	Cao Linh	Tuấn	DH19CK		70	8,4	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
15	19118271	Phạm Bá	Tường	DH19CK		10	9,2	5,8	7,2	0012345678910	0123456789
16	19118274	Tăng Quốc	Việt	DH19CK		10	10	6,0	7,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16166

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 004_DH19CK_02

Tên CBGD

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118276	Phạm Thái Bảo	Vinh	DH19CK		10	9,1	5,5	7,0	0012345678910	0123456789
18	19118282	Nguyễn Quốc	Vương	DH19CK		8,6	8,5	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
19	19118284	Lâm Tuấn	Vỹ	DH19CC		7,0	8,4	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
20	19137079	Huỳnh Quốc	Tuấn	DH19NL		10	9,9	10	10	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trưởng Khoa Trưởng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 001_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19118133	Trần Hữu Khánh Luân	DH19CC			10	8,1	8,0	8,1	0012345678910	0023456789
2	19153007	Trương Quốc Đạt	DH19CD			10	8,8	10	9,6	0012345678910	0123456789
3	19154003	Vũ Xuân Bách	DH19OT			70	7,1	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
4	19154006	Lê Nguyễn Thái Bình	DH19OT			4,2	8,7	3,5	5,3	0012345678910	0123456789
5	19154009	Nguyễn Xuân Cảnh	DH19OT			70	8,6	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
6	19154026	Ngô Huỳnh Đức	DH19OT			0	8,8	8,8	8,4	0012345678910	0123456789
7	19154028	Nguyễn Văn Đức	DH19OT			5,6	4,9	8,5	7,1	0012345678910	0123456789
8	19154037	Nguyễn Phan Trường Hân	DH19OT			70	8,5	6,0	6,9	0012345678910	0123456789
9	19154040	Đào Công Hậu	DH19OT			70	8,9	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
10	19154041	Đào Đức Hiền	DH19OT			10	9,0	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
11	19154044	Nguyễn Đỗ Trọng Hiệp	DH19OT			70	8,8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
12	19154046	Phạm Quang Hiếu	DH19OT			4,2	8,0	5,8	6,5	0012345678910	0123456789
13	19154050	Hà Ngọc Quốc Hoàng	DH19OT			70	8,5	10	9,3	0012345678910	0123456789
14	19154062	Trần Quốc Huy	DH19OT			10	9,0	9,3	9,2	0012345678910	0123456789
15	19154068	Nguyễn Hồ Bảo Khang	DH19OT	Vắng						0012345678910	0123456789
16	19154069	Phạm Đỗ Bảo Khang	DH19OT	Vắng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16169

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 001_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154070	Phan Văn Khang	DH19OT			70	74	43	5,5	0012345678910	0123456789
18	19154076	Trần Anh Khoa	DH19OT			5,6	76	73	73	0012345678910	0123456789
19	19154077	Trương Đăng Khoa	DH19OT			70	80	65	70	0012345678910	0123456789
20	19154078	Đoàn Thế Kiệt	DH19OT			10	46	40	45	0012345678910	0123456789
21	19154083	Nguyễn Bảo Lâm	DH19OT			70	6,3	9,0	79	0012345678910	0123456789
22	19154088	Phạm Đức Lộc	DH19OT			5,6	79	10	9,0	0012345678910	0123456789
23	19154089	Trần Đức Lợi	DH19OT			70	8,6	75	79	0012345678910	0123456789
24	19154096	Nguyễn Hà Phương Nam	DH19OT			70	74	63	6,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Thiagar Prasad

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16170

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19137055	Nguyễn Thị Yến	Quyên	DH19NL		10	9,7	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
2	19154097	Nguyễn Hoàng	Nam	DH19OT		10	7,4	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
3	19154099	Nguyễn Trọng	Nghĩa	DH19OT		7,0	7,9	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
4	19154100	Trần Hoàng	Nghiêm	DH19OT		7,0	7,7	8,3	8,0	0012345678910	0123456789
5	19154102	Nguyễn Cao	Nguyên	DH19OT	vắng					0012345678910	0123456789
6	19154106	Dương Hoài	Nhân	DH19OT		7,0	7,6	7,3	7,4	0012345678910	0123456789
7	19154107	Đình Minh	Nhật	DH19OT		10	9,1	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
8	19154109	Dương Hoài	Nhị	DH19OT		10	9,0	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
9	19154118	Não Hoài	Phúc	DH19OT		5,6	4,4	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
10	19154119	Phạm Gia	Phúc	DH19OT		7,0	8,7	10	9,4	0012345678910	0123456789
11	19154120	Lục Lưu	Phước	DH19OT		10	8,8	5,6	6,9	0012345678910	0123456789
12	19154128	Nguyễn Đình	Quyết	DH19OT		10	8,8	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
13	19154129	Phạm Ngọc	Sang	DH19OT		10	8,8	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
14	19154130	Trần Huỳnh Ngọc	Sang	DH19OT		7,0	7,9	5,8	6,6	0012345678910	0123456789
15	19154132	Nguyễn Văn	Sỹ	DH19OT		10	8,6	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
16	19154136	Phạm Văn	Tân	DH19OT		10	8,6	7,0	7,7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16170

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 002_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Trưởng Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 003_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118135	Đàng Năng San U	DH17CC	<i>Vàng</i>						● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118158	Nguyễn Thành Tôn	DH18CK			10	78	10	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18154123	Trương Văn Thúc	DH18OT			70	8,2	9,8	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	19118285	Phạm Huỳnh Phúc Yên	DH19CC			10	9,7	40	6,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	19154137	Huỳnh Anh Tấn	DH19OT			70	79	10	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	19154142	Nguyễn Bảo Thanh	DH19OT			10	9,8	5,8	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	19154143	Chu Chí Thành	DH19OT			10	9,3	8,0	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	19154145	Hồ Phan Long Thành	DH19OT			70	9,2	9,3	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	19154148	Lương Tất Thành	DH19OT			10	9,5	10	9,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	19154171	Lý Ngọc Toàn	DH19OT			10	8,9	6,8	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	19154173	Trần Hải Triều	DH19OT			5,6	8,8	5,5	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	19154174	Nguyễn Văn Triệu	DH19OT			70	8,1	8,5	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	19154176	Nguyễn Lập Trường	DH19OT			70	79	5,4	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	19154177	Nguyễn Nguyên Trường	DH19OT			5,6	7,5	5,4	6,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	19154180	Nguyễn Hữu Tuấn	DH19OT			70	6,6	5,8	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	19154900	Nguyễn Huy Toàn	DH19OT			10	8,8	8,3	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 16171

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_04

Tổ Thi 003_DH19OT_04

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

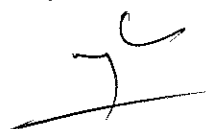
Cán bộ coi thi 1

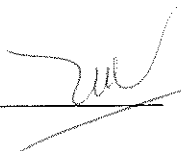
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Trưởng Quang Trưởng


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16172

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153011	Võ Thành Danh	DH18CD			70	8,0	10	9,2	0012345678910	0123456789
2	19154002	Trương Hoàng Anh	DH19OT			70	8,1	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
3	19154005	Nguyễn Thái Bảo	DH19OT			70	8,3	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
4	19154007	Nguyễn Văn Bình	DH19OT			10	8,8	6,0	7,2	0012345678910	0123456789
5	19154012	Nguyễn Minh Chiến	DH19OT			4,2	6,0	10	8,3	0012345678910	0123456789
6	19154014	Vũ Thành Công	DH19OT	vắng						0012345678910	0123456789
7	19154015	Huỳnh Mạnh Cường	DH19OT			8,6	8,6	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
8	19154017	Võ Quốc Đại	DH19OT			70	8,3	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
9	19154020	Nguyễn Công Danh	DH19OT			70	7,8	8,3	8,1	0012345678910	0123456789
10	19154021	Nguyễn Ngọc Danh	DH19OT			70	8,0	5,6	6,5	0012345678910	0123456789
11	19154022	Nguyễn Xuân Đạo	DH19OT			70	8,4	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
12	19154023	Nguyễn Tấn Dầu	DH19OT			70	8,3	10	9,2	0012345678910	0123456789
13	19154024	Võ Văn Đô	DH19OT			10	8,1	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
14	19154027	Nguyễn Hoài Đức	DH19OT			70	8,2	4,5	5,9	0012345678910	0123456789
15	19154029	Nguyễn Việt Đức	DH19OT			4,2	7,7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
16	19154031	Phạm Tùng Dương	DH19OT			70	8,0	7,2	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16172

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 001_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154032	Võ Trung Dương	DH19OT			8,6	8,4	6,8	7,5	0012345678910	0123456789
18	19154033	Nguyễn Đức Duy	DH19OT			7,0	8,1	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
19	19154035	Trần Hoàng Hà	DH19OT			10	8,6	8,3	8,5	0012345678910	0123456789
20	19154036	Đặng Bảo Hân	DH19OT			5,6	8,1	7,8	7,8	0012345678910	0123456789
21	19154038	Huỳnh Đạo Hạnh	DH19OT			10	8,4	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
22	19154043	Nguyễn Thái Hiền	DH19OT			7,0	8,3	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
23	19154048	Trần Hòa	DH19OT			10	9,1	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
24	19154049	Trần Văn Hòa	DH19OT			5,6	6,4	9,5	8,2	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Thầy Quang Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16173

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 002_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19153025	Lương Quang Huy	DH19CD			5,6	8,0	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
2	19154047	Văn Công Hoà	DH19OT			7,0	7,8	6,0	6,7	0012345678910	0123456789
3	19154051	Lê Quang Hoàng	DH19OT			5,6	8,1	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
4	19154053	Đoàn Phi Hùng	DH19OT			4,2	7,6	8,8	8,2	0012345678910	0123456789
5	19154055	Bùi Phước Hưng	DH19OT			10	8,4	4,5	6,1	0012345678910	0123456789
6	19154056	Nguyễn Hải Hưng	DH19OT			10	8,4	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
7	19154059	Nguyễn Ngô Nhật Huy	DH19OT			7,0	4,6	7,5	6,5	0012345678910	0123456789
8	19154060	Trần Quang Huy	DH19OT			10	8,7	10	9,6	0012345678910	0123456789
9	19154061	Trần Quang Huy	DH19OT			7,0	8,4	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
10	19154063	Trịnh Nhật Huy	DH19OT			7,0	8,6	8,3	8,3	0012345678910	0123456789
11	19154064	Huỳnh Quang Khải	DH19OT			10	8,6	6,3	7,3	0012345678910	0123456789
12	19154066	Đoàn Duy Khang	DH19OT			7,0	8,6	8,0	8,1	0012345678910	0123456789
13	19154071	Võ Minh Khang	DH19OT			10	8,4	5,5	6,8	0012345678910	0123456789
14	19154072	Hồ Trường Quốc Khánh	DH19OT			5,6	7,7	9,5	8,7	0012345678910	0123456789
15	19154073	Nguyễn Duy Khánh	DH19OT			7,0	8,6	10	9,3	0012345678910	0123456789
16	19154074	Trần Công Khánh	DH19OT			10	8,3	9,9	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16173

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 002_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5%	Đ2 35%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154075	Nguyễn Hoàng Đăng Khoa	DH19OT	<i>Vắng</i>						0012345678910	0123456789
18	19154079	Hồ Tuấn	Kiệt			7,0	8,6	9,5	9,0	0012345678910	0123456789
19	19154081	Trương Bảo	Lam	<i>Vắng</i>						0012345678910	0123456789
20	19154082	Đặng Quang	Lâm			4,2	8,4	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
21	19154087	Nguyễn Minh	Lộc			10	9,2	9,8	9,6	0012345678910	0123456789
22	19154090	Trịnh Đình Vũ	Long			5,6	8,4	7,0	7,4	0012345678910	0123456789
23	19154092	Trần Đức	Mạnh			7,0	8,6	5,5	6,6	0012345678910	0123456789
24	19154093	Nguyễn Lê Anh	Minh			5,6	8,6	10	9,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Hoàng Tuấn

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 003_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD304

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC			5,6	8,6	10	9,3	0012345678910	0123456789
2	19118167	Phạm Thế Nhật	DH19CK			7,0	9,3	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
3	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			10	9,8	6,5	7,8	0012345678910	0123456789
4	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL			7,0	9,2	4,4	6,2	0012345678910	0123456789
5	19153070	Trương Văn Thái	DH19CD			7,2	5,6	4,8	5,2	0012345678910	0123456789
6	19153072	Hồ Chí Thanh	DH19CD			7,0	8,8	8,8	8,7	0012345678910	0123456789
7	19154095	Nguyễn Xuân Minh	DH19OT			7,0	7,1	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
8	19154104	Trần Thanh Nguyễn	DH19OT			8,6	9,2	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
9	19154105	Nguyễn Xuân Nhân	DH19OT			9	3,9	4,5	4,1	0012345678910	0123456789
10	19154108	Trương Minh Nhật	DH19OT			7,0	8,3	7,3	7,7	0012345678910	0123456789
11	19154112	Nguyễn Phan Huỳnh Nhựt	DH19OT			7,0	9,0	10	9,5	0012345678910	0123456789
12	19154114	Hồ Thanh Phú	DH19OT			10	9,2	9,3	9,3	0012345678910	0123456789
13	19154122	Trần Lê Hữu Phước	DH19OT			10	8,4	8,0	8,2	0012345678910	0123456789
14	19154123	Phạm Minh Phương	DH19OT			5,6	8,2	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
15	19154125	Võ Anh Phương	DH19OT			7,0	9,2	4,8	6,4	0012345678910	0123456789
16	19154126	Nguyễn Mạnh Quang	DH19OT			7,0	9,0	10	9,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16174

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 003_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD304

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19154127	Nguyễn Văn Quí	DH19OT			70	9,3	75	8,1	0012345678910	0123456789
18	19154131	Lê Hoàng Sơn	DH19OT			70	8,6	70	7,6	0012345678910	0123456789
19	19154134	Nguyễn Văn Tài	DH19OT			10	9,3	63	7,5	0012345678910	0123456789
20	19154139	Dương Bảo Thái	DH19OT			10	9,6	75	8,4	0012345678910	0123456789
21	19154140	Nguyễn Quốc Thái	DH19OT			10	8,7	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
22	19154146	Lê Thiện Thành	DH19OT			70	9,0	8,0	8,3	0012345678910	0123456789
23	19154147	Lê Văn Thành	DH19OT			70	8,8	10	9,4	0012345678910	0123456789
24	19154150	Phạm Minh Thành	DH19OT			10	9,5	10	9,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trần Quang Trọng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16175

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 004_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 35 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154141	Nguyễn Quốc Thắng	DH19OT			10	9,1	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
2	19154151	Trần Trí Thành	DH19OT			10	8,3	10	9,4	0012345678910	0123456789
3	19154154	Lê Danh Thi	DH19OT			7,2	9,2	4,5	6,3	0012345678910	0123456789
4	19154157	Chu Thánh Thiện	DH19OT			10	9,5	7,5	8,3	0012345678910	0123456789
5	19154158	Trần Hữu Thiện	DH19OT			10	9,2	10	9,7	0012345678910	0123456789
6	19154159	Nguyễn Thanh Thông	DH19OT			7,0	8,1	10	9,2	0012345678910	0123456789
7	19154161	Lâm Gia Thuận	DH19OT			7,0	8,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
8	19154162	Sơn Minh Thuận	DH19OT			7,0	8,7	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
9	19154164	Nguyễn Phước Tiến	DH19OT			7,0	8,0	7,3	7,5	0012345678910	0123456789
10	19154165	Lê Việt Tiếp	DH19OT			7,0	8,7	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
11	19154166	Huỳnh Công Tín	DH19OT			10	9,2	10	9,7	0012345678910	0123456789
12	19154167	Nguyễn Hữu Tín	DH19OT			7,0	8,9	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
13	19154168	Lê Chánh Tinh	DH19OT			10	9,6	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
14	19154170	Hoàng Ngọc Tinh	DH19OT			10	9,1	7,3	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16175

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 004_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

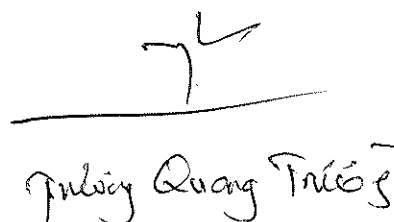
Cán bộ coi thi 1

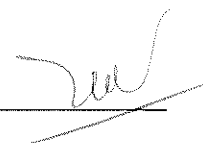
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Quang Trí


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16176

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 005_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 5 %	Đ2 5 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	19154172	Nguyễn Tiến Triều	DH19OT			10	9,4	8,8	9,1	0012345678910	0023456789
2	19154179	Lê Bá Tuấn	DH19OT			10	9,6	8,0	8,7	0012345678910	0123456789
3	19154182	Đoàn Phạm Thanh Tùng	DH19OT			8,6	7,6	9,8	9,0	0012345678910	0123456789
4	19154184	Nguyễn Thanh Tùng	DH19OT			5,6	8,4	8,3	8,2	0012345678910	0123456789
5	19154185	Trần Lâm Tùng	DH19OT			7,0	9,3	5,3	6,8	0012345678910	0123456789
6	19154186	Trần Hồng Tường	DH19OT			7,0	9,2	8,0	8,4	0012345678910	0123456789
7	19154187	Nguyễn Hoàng Văn	DH19OT			10	10	7,5	8,5	0012345678910	0123456789
8	19154189	Nguyễn Nho Việt	DH19OT			7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
9	19154190	Phạm Trương Quốc Việt	DH19OT			10	9,4	8,0	8,6	0012345678910	0123456789
10	19154191	Trương Quốc Việt	DH19OT			10	9,4	5,8	7,3	0012345678910	0123456789
11	19154192	Dương Thế Vinh	DH19OT			7,0	8,7	7,8	8,1	0012345678910	0123456789
12	19154195	Nguyễn Ngọc Vinh	DH19OT			10	9,3	8,8	9,1	0012345678910	0123456789
13	19154196	Thạch Thanh Vũ	DH19OT			7,0	8,9	10	9,5	0012345678910	0123456789
14	19154197	Trần Thế Vỹ	DH19OT			7,0	8,7	9,8	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16176

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Chi tiết máy(207146)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19OT_05

Tổ Thi 005_DH19OT_05

Tên CBGD Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Ngày Thi 19/01/2022

Giờ Thi 10:30

Phòng Thi RD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày 15 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Truong Quang Thieu


Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Mã nhận dạng 16241

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 001_DH19CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 L2 %	Đ2 L2 %	Điểm thi L2	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138035	Lý Minh Hoàng	DH16TD			1,3	0,3	3,3	4,9	0012345678910	0123456789
2	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			1,4	0,8	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
3	18118017	Nguyễn Công Danh	DH18CK			1,9	0,7	4,6	7,2	0012345678910	0123456789
4	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC			1,7	0,6	3,3	5,6	0012345678910	0123456789
5	18118043	Nguyễn Ngọc Hòa	DH18CK			1,5	0,6	4,8	6,9	0012345678910	0123456789
6	19118006	Nguyễn Thành Băng	DH19CK			1,9	0,7	4,9	7,5	0012345678910	0123456789
7	19118007	Dương Gia Bảo	DH19CK			1,6	0,5	4,3	6,4	0012345678910	0123456789
8	19118010	Lê Thái Thiên Bảo	DH19CK			1,2	0,2	4,3	5,7	0012345678910	0123456789
9	19118011	Ngô Quốc Bảo	DH19CK			1,8	0,8	4,7	7,3	0012345678910	0123456789
10	19118019	Lê Minh Chiến	DH19CK			1,7	0,5	4,6	6,8	0012345678910	0123456789
11	19118022	Đặng Mai Chung	DH19CK			1,6	1,2	4,1	6,9	0012345678910	0123456789
12	19118025	Diệp Kiến Cường	DH19CK			1,8	0,8	5,1	7,7	0012345678910	0123456789
13	19118029	Nguyễn Hữu Đang	DH19CK			2	1	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
14	19118030	Chế Nguyễn Văn Danh	DH19CK			1,2	0,7	4,6	6,5	0012345678910	0123456789
15	19118031	Trần Đức Danh	DH19CK			1,7	0,6	4,3	6,6	0012345678910	0123456789
16	19118034	Nguyễn Công Đạt	DH19CK			1,4	0,5	4,2	6,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16241

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 001_DH19CK_02

Tên CBGD

Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi

RD101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi 40	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118040	Lê Văn Đò	DH19CK			1,8	0,6	4,8	7,2	0012345678910	0123456789
18	19118042	Trần Hữu Đức	DH19CK			2	0,8	3,2	6	0012345678910	0123456789
19	19118044	Trần Nhật Dũng	DH19CC			1,8	1,1	3,3	6,2	0012345678910	0123456789
20	19118052	Văn Thành Duy	DH19CK			1,8	1,4	3,8	7	0012345678910	0123456789
21	19118055	Lê Tấn Hải	DH19CC			2	0,9	4,5	7,4	0012345678910	0123456789
22	19118067	Phạm Trung Hiếu	DH19CK						/	0012345678910	0123456789
23	19118076	Nguyễn Việt Hoàng	DH19CK			1,5	0,6	4,7	6,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 23. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 16 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1 *hcl*

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 *hcl*

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đặng Hữu Dũng

Nguyễn Văn Dũng

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 16242

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118049	Nguyễn Thành Huy	DH18CK			1,7	1	4,8	7,5	0012345678910	0123456789
2	18118051	Bùi Huynh	DH18CK			1,7	0,9	4,4	7	0012345678910	0123456789
3	18118075	Nguyễn Thành Long	DH18CK			2	0,8	5,1	7,9	0012345678910	0123456789
4	18118076	Phạm Văn Long	DH18CK			1,9	0,7	4,5	7,1	0012345678910	0123456789
5	19118081	Ngô Trung Hưng	DH19CK			1,4	0,6	4,7	6,7	0012345678910	0123456789
6	19118083	Nguyễn Duy Hưng	DH19CK			1,7	0,8	2,3	4,8	0012345678910	0123456789
7	19118088	Hà Quang Huy	DH19CK			1,7	0,8	4,4	6,9	0012345678910	0123456789
8	19118093	Nguyễn Minh Huy	DH19CK			1,5	0,4	4,6	6,5	0012345678910	0123456789
9	19118098	Trần Quốc Huy	DH19CK						/	0012345678910	0123456789
10	19118111	Đặng Hoàng Kiệt	DH19CK			1,8	0,9	5	7,7	0012345678910	0123456789
11	19118112	Ngô Tấn Kiệt	DH19CK			1,9	0,8	4,7	7,4	0012345678910	0123456789
12	19118113	Nguyễn Duy Kiệt	DH19CK			1,7	0,6	4,9	7,2	0012345678910	0123456789
13	19118118	Nguyễn Tùng Lâm	DH19CK			1,9	0,3	4,7	6,9	0012345678910	0123456789
14	19118121	Nguyễn Cảnh Liêm	DH19CK			1,9	0,2	3,9	6	0012345678910	0123456789
15	19118123	Nguyễn Như Linh	DH19CK			1,1	1	4,4	6,5	0012345678910	0123456789
16	19118125	Nguyễn Văn Linh	DH19CC						/	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16242

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 002_DH19CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 20 %	Điểm thi 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118127	Nguyễn Bình Lộc	DH19CK			1,7	0,4	3,7	5,8	0012345678910	0123456789
18	19118128	Trần Thanh Lộc	DH19CK			1,7	0,8	3,7	6,2	0012345678910	0123456789
19	19118129	Nguyễn Bá Lợi	DH19CK			1,9	0,3	3,8	6	0012345678910	0123456789
20	19118137	Bùi Duy Lũy	DH19CK			1,3	1,2	5	7,5	0012345678910	0123456789
21	19118142	Đặng Nguyễn Nhật Minh	DH19CK						/	0012345678910	0123456789
22	19118143	Lê Công Minh	DH19CK			1,7	0,3	3,7	5,7	0012345678910	0123456789
23	19118144	Lê Trần Nhật Minh	DH19CK			1,9	1,2	4,8	7,9	0012345678910	0123456789
24	19118147	Hoàng Phương Nam	DH19CK			1,9	1	4,7	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24 Số sinh viên vắng 03

Ngày 16 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Linh

Nguyễn Thị Phương Thảo

Đặng Hữu Dũng

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16243

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi

003_DH19CK_02

Tên CBGD

Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD404

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thực	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT						/	0012345678910	0123456789
2	17118074	Trần Long Nhựt	DH17CC						/	0012345678910	0123456789
3	17153065	Phan Trọng Thái	DH17CD			1,8	0,6	3,5	5,9	0012345678910	0123456789
4	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			1,9	1,1	4,1	7,1	0012345678910	0123456789
5	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			2	0,7	3,9	6,6	0012345678910	0123456789
6	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			1,9	0,6	5,1	7,6	0012345678910	0123456789
7	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC			1,4	0,4	3	4,8	0012345678910	0123456789
8	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			1,8	0,8	4,4	7	0012345678910	0123456789
9	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC			1,6	0,8	3,7	6,1	0012345678910	0123456789
10	19118148	Huỳnh Hoài Nam	DH19CK			1,8	1,2	4,2	7,2	0012345678910	0123456789
11	19118149	Lâm Nhật Nam	DH19CK			1,9	0,1	4,7	6,7	0012345678910	0123456789
12	19118151	Trần Duy Nhật Nam	DH19CK			1,5	0,2	4	6,1	0012345678910	0123456789
13	19118158	Lê Hoàng Minh Ngọc	DH19CK			0,4	0,5	1,3	2,2	0012345678910	0123456789
14	19118164	Trần Thanh Nhân	DH19CC			1,9	0,7	3,7	6,3	0012345678910	0123456789
15	19118168	Thân Văn Nhơ	DH19CK			1,9	0,1	4	6	0012345678910	0123456789
16	19118171	Trần Trường Phát	DH19CK			2	0,8	4	6,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16243

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 003_DH19CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD404

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi 60	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118183	Phạm Công Phương	DH19CK			2	1	4,4	7,4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
18	19118184	Phạm Minh Phương	DH19CK			1,6	0,8	4,7	7,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
19	19118187	Trương Quang Quân	DH19CK			1,4	0,9	4,4	6,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	19118189	Lê Vinh Quang	DH19CK			1,3	0,2	4,5	6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	19118193	Huỳnh Văn Quyết	DH19CK			2	0,8	4,9	7,7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	19118214	Lê Ngọc Thanh	DH19CK			1,4	0,8	4,6	6,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	19118216	Nguyễn Tiến Thành	DH19CK			1,5	0,3	4,5	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số sinh viên dự thi 23. Số sinh viên vắng 02

Ngày 16 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Minh Nghi

Cán bộ coi thi 2

Cao Anh Lợi

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Đặng Hữu Dũng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đặng Hữu Dũng

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16244

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 004_DH19CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD403

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118326	Nguyễn Nhựt Trường	DH13CC						/	0012345678910	0123456789
2	17118105	Nguyễn Bá Thiên	DH17CC			1,4	0,5	4,2	6,1	0012345678910	0123456789
3	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC			1,2	1	4,9	7,1	0012345678910	0123456789
4	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			1,2	0,9	4,5	6,6	0012345678910	0123456789
5	18118157	Trần Duy Toàn	DH18CC			1,3	0,5	2,5	4,3	0012345678910	0123456789
6	18118162	Đỗ Văn Triệu	DH18CK			1,4	1,2	4	6,6	0012345678910	0123456789
7	18118184	Tô Đức Vinh	DH18CK			1,6	0,8	4,9	7,3	0012345678910	0123456789
8	19118212	Trần Quốc Thắng	DH19CK			1,7	0,4	4,2	6,3	0012345678910	0123456789
9	19118222	Nguyễn Trần Xuân	DH19CK			1,7	0,2	2,2	4,1	0012345678910	0123456789
10	19118232	Ngô Kế Minh	DH19CK			1,7	1	4,3	7	0012345678910	0123456789
11	19118241	Trần Hữu Tín	DH19CK			1,3	0,9	3,1	5,3	0012345678910	0123456789
12	19118242	Phan Đặng Hoài	DH19CK			1,9	1,1	3,9	6,9	0012345678910	0123456789
13	19118252	Nguyễn Trần Minh Trí	DH19CK			1,6	0,6	3,1	5,3	0012345678910	0123456789
14	19118257	Trương Minh Trung	DH19CK			1,7	0,4	3,6	5,7	0012345678910	0123456789
15	19118259	Nguyễn Đức Trường	DH19CK			1,4	0,7	4,5	6,6	0012345678910	0123456789
16	19118264	Cao Linh Tuấn	DH19CK			1,4	0,8	4,4	6,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16244

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Anh văn kỹ thuật(207300)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH19CK_02

Tổ Thi 004_DH19CK_02

Tên CBGD Đặng Hữu Dũng

Ngày Thi 18/01/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD403

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Lc %	Đ2 Lc %	Điểm thi G	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19118271	Phạm Bá Tường	DH19CK			1,6	1	4,3	6,9	0012345678910	0123456789
18	19118274	Tăng Quốc Việt	DH19CK			1,9	1	3,4	6,3	0012345678910	0123456789
19	19118276	Phạm Thái Bảo Vinh	DH19CK			1,6	1,1	4,5	7,2	0012345678910	0123456789
20	19118282	Nguyễn Quốc Vương	DH19CK			2	1	4,3	7,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 12. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 16 Tháng 02 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Duy Loan

Cao Đức Lợi

Đặng Hữu Dũng



Mã nhận dạng 00449

Trang 1/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118006	Nguyễn Thanh Bá	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
2	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK						8,5	0012345678910	0123456789
3	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK						9	0012345678910	0123456789
4	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CK						3	0012345678910	0123456789
5	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK						6,5	0012345678910	0123456789
6	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK						8,5	0012345678910	0123456789
7	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
8	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
9	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK						8	0012345678910	0123456789
10	17118046	Trần Khải	DH17CK						9	0012345678910	0123456789
11	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK						5	0012345678910	0123456789
12	17118051	Nguyễn Trung Kiên	DH17CK						8	0012345678910	0123456789
13	17118052	Bùi Thanh Lâm	DH17CK						8,5	0012345678910	0123456789
14	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK						/	0012345678910	0123456789
15	17118058	Trần Ngọc Minh Mẫn	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
16	17118061	Đào Phương Nam	DH17CK						8	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118062	Phạm Văn Nam	DH17CK						8	0012345678910	0123456789
18	17118064	Phan Trọng Nghĩa	DH17CK						6	0012345678910	0123456789
19	17118076	Phan Lê Bảo Phi	DH17CK						6	0012345678910	0123456789
20	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK						6,5	0012345678910	0123456789
21	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK						/	0012345678910	0123456789
22	17118085	Nguyễn Đình Phương	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
23	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK						8,5	0012345678910	0123456789
24	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK						6	0012345678910	0123456789
25	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK						7	0012345678910	0123456789
26	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK						8	0012345678910	0123456789
27	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK						8	0012345678910	0123456789
28	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
29	17118115	Trần Nhật Tiến	DH17CK						7,5	0012345678910	0123456789
30	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK						8	0012345678910	0123456789
31	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK						6,5	0012345678910	0123456789
32	17118120	Nguyễn Quang Trí	DH17CK						8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00449

Trang 3/3

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đồ án máy canh tác (207321) - 01

CBGD: Đặng Hữu Dũng (315)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118130	Huỳnh Anh Tú	DH17CK						9	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 02

Hiện diện: 31

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Thanh Nghị



Mã nhận dạng 16252

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

001_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137001	Nguyễn Xuân An	DH17NL			9	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
2	17137005	Mai Thanh Bình	DH17NL			8,5	9,0	9,0	8,9	0012345678910	0123456789
3	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL			8,5	7	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
4	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL			9	7	9,5	8,9	0012345678910	0123456789
5	17137009	Nguyễn Võ Quốc Cường	DH17NL			8,5	6	9	8,3	0012345678910	0123456789
6	17137012	Lê Tấn Đôn	DH17NL			9	9	9,5	9,3	0012345678910	0123456789
7	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL			9	6	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
8	17137014	Nguyễn Quang Duy	DH17NL			9	8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
9	17137017	Tạ Triệu Duy	DH17NL			9	8	10	9,4	0012345678910	0123456789
10	17137019	Tô Công Hậu	DH17NL			8	7	8,5	8,1	0012345678910	0123456789
11	17137020	Nguyễn Thành Hiếu	DH17NL			9	8	8,5	8,5	0012345678910	0123456789
12	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			9,5	9	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
13	17137026	Phan Phước Hoàng	DH17NL			9	7	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
14	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			8	7	8	7,8	0012345678910	0123456789
15	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL			8,5	8	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
16	17137030	Phạm Phi Hưng	DH17NL			8,5	9	9,5	9,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16252

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 001_DH17NL_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137032	Trần Minh Huy	DH17NL			9	9,5	9,5	9,4	0012345678910	0123456789
18	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL			8,5	6	9	8,3	0012345678910	0123456789
19	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL			8	9	9	8,8	0012345678910	0123456789
20	17137035	Đặng Quốc Khánh	DH17NL			9	8	9	8,8	0012345678910	0123456789
21	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL			8,5	6	8,5	8,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 21. Số sinh viên vắng 0.

Ngày 18 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

TS. Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 16253

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi 002_DH17NL_01

Tên CBGD Lê Quang Giảng

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi 14:00

Phòng Thi RD406

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL			8	7	9	8,4	0012345678910	0123456789
2	17137037	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH17NL			8,5	8,5	9	8,8	0012345678910	0123456789
3	17137040	Hồ Quốc Lộc	DH17NL			8,5	6	9,5	8,6	0012345678910	0123456789
4	17137041	Hồ Thanh Lộc	DH17NL			8,5	8	5	6,3	0012345678910	0123456789
5	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL			8,5	8	9	8,7	0012345678910	0123456789
6	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL			9	8,5	9	8,9	0012345678910	0123456789
7	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL			9	8,5	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
8	17137046	Nguyễn Na Na	DH17NL			9,5	8	9	8,9	0012345678910	0123456789
9	17137051	Phạm Nhật Phong	DH17NL			9	6	9	8,4	0012345678910	0123456789
10	17137052	Nguyễn Tấn Phúc	DH17NL			9	8	9,5	9,1	0012345678910	0123456789
11	17137055	Nguyễn Nhật Quân	DH17NL			9	9	9	9,0	0012345678910	0123456789
12	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL			9	9	8,5	8,7	0012345678910	0123456789
13	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL			8,5	9,5	8	8,4	0012345678910	0123456789
14	17137058	Ngô Thành Quý	DH17NL			9,5	9	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
15	17137067	Nguyễn Công Thức	DH17NL			7	8	9	8,4	0012345678910	0123456789
16	17137068	Trần Hữu Tín	DH17NL			9	9	9,5	9,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16253

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Cơ sở kỹ thuật nhiệt(207428)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17NL_01

Tổ Thi

002_DH17NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 11/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD406

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17137072	Nguyễn Hoàng Anh Trí	DH17NL			8,5	8	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
18	17137073	Nguyễn Hải Triều	DH17NL			9	9,5	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
19	17137074	Lê Phước Trọng	DH17NL			7,5	7	8,5	8,0	0012345678910	0123456789
20	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL			9,5	9,5	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
21	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL		/					0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 22 Số sinh viên vắng 1

Ngày 18 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Th.S Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 16254

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD504

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL				7,5	8	7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	17137007	Đậu Sỹ Chiến	DH17NL				7,5	5,5	6,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL				7,5	4	5,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	17137028	Nguyễn Huân	DH17NL				8	8	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL				8	8	8,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	19137002	Châu Thanh Hoàng Anh	DH19NL				9	8	8,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	19137004	Nguyễn Chí Bảo	DH19NL				7,5	8	7,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	19137005	Nguyễn Hữu Chấn	DH19NL				8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	19137006	Lê Ngô Chí	DH19NL				7	8,5	8,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	19137007	Nguyễn Vương Chiến	DH19NL				8,5	9	8,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	19137009	Huỳnh Tấn Cường	DH19NL				8,5	8	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	19137011	Nguyễn Long Cường	DH19NL				8,5	10	9,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	19137012	Nguyễn Văn Đàm	DH19NL				6	8	7,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	19137013	Hồ Dương Tuấn Đạt	DH19NL				8,5	8	8,2	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	19137014	Trần Minh Đạt	DH19NL				6	6,5	6,4	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	19137017	Nguyễn Thanh Hải	DH19NL				8	3,5	4,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 16254

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

001_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD504

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137018	Phạm Duy Hạnh	DH19NL				6	7,5	7,1	0012345678910	0123456789
18	19137020	Nguyễn Trung Hậu	DH19NL				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
19	19137021	Phạm Công Hoàng	DH19NL				6,5	8	7,6	0012345678910	0123456789
20	19137022	Phạm Văn Trí	DH19NL				7	8	7,7	0012345678910	0123456789
21	19137025	Nguyễn Minh Huy	DH19NL				7	10	9,1	0012345678910	0123456789
22	19137026	Nguyễn Phúc Gia	DH19NL							0012345678910	0123456789
23	19137027	Nguyễn Trần Gia	DH19NL				7	4	4,9	0012345678910	0123456789
24	19137028	Sầm Khắc	DH19NL				5	7	6,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 3. Số sinh viên vắng 1

Ngày 19 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Lê Quang Giảng

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16255

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

002_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137033	Phan Đình Huỳnh	DH17NL				8	5	5,9	0012345678910	0123456789
2	17137034	Đỗ Thích Khang	DH17NL				8	5	5,9	0012345678910	0123456789
3	17137036	Nguyễn Đăng Khôi	DH17NL				7,5	6	6,5	0012345678910	0123456789
4	17137042	Ngô Nguyễn Hữu Lộc	DH17NL				8,5	5	6,1	0012345678910	0123456789
5	17137043	Trương Đức Lộc	DH17NL				7,5	5	5,8	0012345678910	0123456789
6	17137045	Nguyễn Hoàng Minh	DH17NL				7	4	4,9	0012345678910	0123456789
7	17137057	Trần Văn Quang	DH17NL				7,5	5	5,8	0012345678910	0123456789
8	19137023	Ngô Trần Hưng	DH19NL				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
9	19137024	Bùi Ngô Gia Hữu	DH19NL				8,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
10	19137029	Trần Văn Huy	DH19NL				8,5	8	8,2	0012345678910	0123456789
11	19137031	Đặng Hoàng Khang	DH19NL				5	6	5,7	0012345678910	0123456789
12	19137032	Nguyễn Hoàng Khang	DH19NL				6	5	5,3	0012345678910	0123456789
13	19137033	Nguyễn Duy Khánh	DH19NL				7	5	5,6	0012345678910	0123456789
14	19137038	Phạm Đình Khôi	DH19NL				8,5	7	7,5	0012345678910	0123456789
15	19137041	Nguyễn Phúc Lộc	DH19NL				7,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
16	19137042	Bùi Thị Yến Mi	DH19NL				8,5	8,5	8,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16255

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

002_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137043	Phạm Nhật Nam	DH19NL				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
18	19137044	Nguyễn Hoàng	DH19NL				6,5	5	5,5	0012345678910	0123456789
19	19137046	Nguyễn Phúc	DH19NL				8,5	5	6,1	0012345678910	0123456789
20	19137047	Đào Thành	DH19NL				8,5	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
21	19137048	Hoàng Công	DH19NL				5	6,5	6,1	0012345678910	0123456789
22	19137049	Đỗ Minh	DH19NL				5	7	6,4	0012345678910	0123456789
23	19137050	Trần Hoàng	DH19NL				7	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
24	19137052	Hoàng Ngọc Nhật	DH19NL				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 24. Số sinh viên vắng D...

Ngày 19 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16256

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

003_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137077	Nguyễn Hoài Vũ	DH17NL				8,5	5	6,1	0012345678910	0123456789
2	19137054	Huỳnh Thị Ngọc Quý	DH19NL				9,5	10	9,9	0012345678910	0123456789
3	19137055	Nguyễn Thị Yến	DH19NL				7	5,5	6,0	0012345678910	0123456789
4	19137056	Trần Nguyễn Sang	DH19NL				6	9,5	8,5	0012345678910	0123456789
5	19137057	Thái Đức Sơn	DH19NL				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
6	19137058	Cao Tấn Tài	DH19NL				8,5	1	3,3	0012345678910	0123456789
7	19137059	Hồ Anh Tài	DH19NL				9	8,5	8,3	0012345678910	0123456789
8	19137060	Hoàng Nhân Tài	DH19NL				8	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
9	19137061	Lương Ngọc Tân	DH19NL				9	10	9,8	0012345678910	0123456789
10	19137062	Nguyễn Đăng Tân	DH19NL				8,5	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
11	19137063	Võ Nhật Tân	DH19NL				8	6	6,6	0012345678910	0123456789
12	19137065	Phạm Phước Thắng	DH19NL				5	6,5	6,2	0012345678910	0123456789
13	19137066	Châu Văn Thanh	DH19NL				8,5	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
14	19137068	Huỳnh Chí Thành	DH19NL				7,5	5	5,8	0012345678910	0123456789
15	19137069	Nguyễn Công Thành	DH19NL				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
16	19137070	Nguyễn Quốc Thành	DH19NL				6	7,5	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16256

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi Lý thuyết truyền nhiệt(207436)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH19NL_01

Tổ Thi

003_DH19NL_01

Tên CBGD

Lê Quang Giảng

Ngày Thi 09/02/2022

Giờ Thi

14:00

Phòng Thi

RD306

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	19137071	Bùi Quang Thoại	DH19NL				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
18	19137075	Lê Thanh Toàn	DH19NL							0012345678910	0123456789
19	19137077	Bùi Thành Trung	DH19NL				7	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
20	19137079	Huỳnh Quốc Tuấn	DH19NL				9,5	10	9,9	0012345678910	0123456789
21	19137082	Từ Trường Vũ	DH19NL				7,5	4,5	5,4	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 20 Số sinh viên vắng 1

Ngày 14 Tháng 2 Năm 2022

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Đức Khuyển

Lê Quang Giảng



Mã nhận dạng 16257

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cầm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

001_DH18TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD504

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138011	Nguyễn Chánh Hoàng	DH14TD				V	V	V	0012345678910	0123456789
2	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD				6,75	5,0	6,9	0012345678910	0123456789
3	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD				7,15	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
4	17138016	Hồ Hiền	DH17TD				7,0	6,25	6,5	0012345678910	0123456789
5	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD				7,25	5,0	5,7	0012345678910	0123456789
6	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD				5,0	6,0	5,7	0012345678910	0123456789
7	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD				7,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
8	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD				7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
9	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD				6,75	6,25	6,4	0012345678910	0123456789
10	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD				7,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
11	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD				6,5	6,75	6,7	0012345678910	0123456789
12	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD				7,25	6,75	6,9	0012345678910	0123456789
13	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD				6,75	6,8	6,7	0012345678910	0123456789
14	18138015	Nguyễn Công Đình	DH18TD				6,0	6,5	6,4	0012345678910	0123456789
15	18138016	Nguyễn Long Ngọc	DH18TD				5,5	7,0	6,6	0012345678910	0123456789
16	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD				7,75	7,0	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 16257

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cắm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **001_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Văn Bận**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD504**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD				3,5	6,5	5,6	0012345678910	0123456789
18	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD		+	0,5	9,5	6,5	7,9	0012345678910	0123456789
19	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD				7,5	6,0	6,5	0012345678910	0123456789
20	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD				7,15	6,75	6,9	0012345678910	0123456789
21	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD				7,75	7,25	7,4	0012345678910	0123456789
22	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD				7,25	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
23	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD				4,5	5,5	5,2	0012345678910	0123456789
24	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD				8,1	7,5	7,7	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 16258

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cắm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

002_DH18TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD205

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138030	Trần Lê Huấn	DH18TD					7.0	7.5	7.4	0012345678910
2	18138032	Chung Hiệp	DH18TD					6.5	6.0	6.2	0012345678910
3	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD					8.5	6.0	6.8	0012345678910
4	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			+0.5	9.0	7.75	8.6	0012345678910	00123456789
5	18138036	Phan Trần Hoàng	DH18TD					7.5	7.25	7.3	0012345678910
6	18138037	Trần Trọng	DH18TD			+0.5	9.0	6.25	7.6	0012345678910	00123456789
7	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD					7.5	6.25	6.6	0012345678910
8	18138042	Nguyễn Công	DH18TD					8.75	7.25	7.7	0012345678910
9	18138043	Nguyễn Duy	DH18TD					8.0	6.25	6.8	0012345678910
10	18138044	Đinh Trọng	DH18TD					0	7.0	4.9	0012345678910
11	18138046	Phạm Văn Tiểu	DH18TD					7.5	6.5	6.8	0012345678910
12	18138047	Lương Hoàng	DH18TD					7.75	7.5	7.6	0012345678910
13	18138048	Nguyễn Văn	DH18TD			+0.5	9.25	7.25	8.4	0012345678910	00123456789
14	18138049	Nguyễn Thị Mỹ	DH18TD					7.25	7.5	7.4	0012345678910
15	18138050	Hứa Phước	DH18TD					8.75	5.75	6.7	0012345678910
16	18138051	Đặng Hoàng	DH18TD					4.0	5.05	4.9	0012345678910



Mã nhận dạng 16258

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cầm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

002_DH18TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD205

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD				8,0	6,5	7,0	0012345678910	0123456789
18	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			+0,5	9,25	7,25	8,4	0012345678910	0123456789
19	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD				6,0	6,35	6,5	0012345678910	0123456789
20	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD				7,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
21	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD				7,15	6,75	6,9	0012345678910	0123456789
22	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD				8,75	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
23	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD				6,0	5,5	5,7	0012345678910	0123456789
24	18138062	Trần Phát	DH18TD			+0,5	9,5	7,0	8,3	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Mã nhận dạng 16259

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cảm biến trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi

003_DH18TD_01

Tên CBGD

Lê Văn Bạ

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi

10:30

Phòng Thi

RD306

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD					7,75	4,0	4,9	0012345678910
2	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD					7,0	5,5	6,0	0012345678910
3	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					8,0	6,0	6,6	0012345678910
4	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD					8,5	6,75	7,3	0012345678910
5	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					7,75	7,0	7,2	0012345678910
6	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					8,75	7,5	7,9	0012345678910
7	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD					7,5	6,5	6,8	0012345678910
8	18138072	Lê Tấn Quý	DH18TD					8,5	7,25	7,6	0012345678910
9	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD					8,0	7,0	7,3	0012345678910
10	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD					8,25	7,5	7,7	0012345678910
11	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD					7,75	7,25	7,4	0012345678910
12	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD					7,75	7,25	7,4	0012345678910
13	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD					8,5	6,75	7,3	0012345678910
14	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD					7,3	6,5	6,7	0012345678910
15	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD					7,25	5,5	6,0	0012345678910
16	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD					7,5	6,25	6,6	0012345678910



Mã nhận dạng 16259

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn Thi **Cắm biển trong điều khiển(207501)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH18TD_01**

Tổ Thi **003_DH18TD_01**

Tên CBGD **Lê Văn Bận**

Ngày Thi **09/02/2022**

Giờ Thi **10:30**

Phòng Thi **RD306**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD				6,25	6,25	6,3	0012345678910	0123456789
18	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD				8,5	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
19	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD				7,0	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
20	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD				7,15	6,5	6,7	0012345678910	0123456789
21	18138096	Hồ Duy Thiện Trung	DH18TD				7,25	3,5	4,6	0012345678910	0123456789
22	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD				✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
23	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD				7,0	6,75	6,8	0012345678910	0123456789
24	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD				8,0	6,75	7,1	0012345678910	0123456789
25	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD				3,5	6,5	5,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày _____ Tháng _____ Năm _____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 24/01/2022



Mã nhận dạng 00458

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bạt (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn Anh	DH18TD			7,1	0	0	2,5	0012345678910	0123456789
2	18138002	Vũ Hoài Ân	DH18TD			7,5	6,75	7,75	7,3	0012345678910	0123456789
3	18138005	Lê Kim Bảo	DH18TD			8,0	5,0	7,25	6,8	0012345678910	0123456789
4	18138040	Nguyễn Ngọc Khải	DH18TD			8,0	8,0	8,5	8,2	0012345678910	0123456789
5	18138004	Phan Cao Bằng	DH18TD			7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
6	18138006	Đặng Văn Bình	DH18TD			7,0	7,0	6,5	6,8	0012345678910	0123456789
7	18138007	Hồ Quang Cảnh	DH18TD			7,5	6,75	7,0	7,1	0012345678910	0123456789
8	18138009	Lê Hữu Chiến	DH18TD			7,0	7,0	5,5	6,5	0012345678910	0123456789
9	18138020	Đỗ Quốc Duy	DH18TD			5,5	0	0	1,8	0012345678910	0123456789
10	18138021	Lê Thành Duy	DH18TD			8,75	9,75	9,75	9,4	0012345678910	0123456789
11	18138019	Lê Tấn Dương	DH18TD			8,0	7,0	7,75	7,6	0012345678910	0123456789
12	18138012	Huỳnh Phước Đạt	DH18TD			7,0	7,0	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
13	18138013	Trần Quang Đạt	DH18TD			8,0	5,0	6,0	6,3	0012345678910	0123456789
14	18138015	Nguyễn Công Định	DH18TD			7,0	4,0	7,0	6,0	0012345678910	0123456789
15	18138016	Nguyễn Long Ngọc Định	DH18TD			7,0	0	8,0	5,0	0012345678910	0123456789
16	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			6,75	7,0	7,5	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00458

Trang 2/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18138023	Trần Trường Giang	DH18TD			7,75	7,0	7,5	7,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD			6,75	7,0	7,25	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD			8,5	7,5	7,75	7,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD			7,75	7,5	7,5	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD			7,5	0	0	2,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	18138030	Trần Lê Huân	DH18TD			7,5	7,0	7,0	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			8,0	0	0	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD			9,0	9,0	9,0	9,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD			8,0	6,0	7,5	7,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	16138043	Trần Đức Huy	DH17TD			7,75	8,0	7,75	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD			8,75	9,0	9,0	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD			7,0	6,0	6,5	6,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD			8,5	8,75	9,0	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD			7,0	7,75	8,0	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD			8,5	9,0	8,75	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 00458

Trang 3/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
33	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD			8,0	8,0	7,75	7,9	0012345678910	0123456789
34	18138044	Đình Trọng Khôi	DH18TD			V	V	V	V	0012345678910	0123456789
35	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			8,0	7,5	7,5	7,7	0012345678910	0123456789
36	18138046	Phạm Văn Tiêu Kỳ	DH18TD			8,0	7,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
37	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD			8,0	7,5	7,75	7,8	0012345678910	0123456789
38	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD			9,0	9,5	9,0	9,2	0012345678910	0123456789
39	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD			7,5	0	0	2,5	0012345678910	0123456789
40	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD			9,0	7,5	7,75	8,1	0012345678910	0123456789
41	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
42	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD			9,0	9,0	9,5	9,2	0012345678910	0123456789
43	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD			6,5	4,0	6,0	5,5	0012345678910	0123456789
44	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD			7,5	7,0	6,0	6,8	0012345678910	0123456789
45	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD			7,5	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
46	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD			8,5	8,5	9,5	8,8	0012345678910	0123456789
47	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD			7,0	5,0	6,0	6,0	0012345678910	0123456789
48	18138062	Trần Phát	DH18TD			9,5	9,5	9,0	9,3	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
49	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD			7,75	7,25	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
50	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD			8,5	8,0	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
51	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD			7,75	7,0	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
52	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD			7,75	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
53	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD			7,75	6,0	8,0	7,3	0012345678910	0123456789
54	18138072	Lê Tấn Quí	DH18TD			8,0	8,5	8,75	8,4	0012345678910	0123456789
55	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD			7,75	8,5	7,75	8,0	0012345678910	0123456789
56	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD			8,75	8,0	8,5	8,4	0012345678910	0123456789
57	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD			8,5	6,0	8,75	7,8	0012345678910	0123456789
58	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD			8,0	7,0	8,0	7,7	0012345678910	0123456789
59	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD			8,0	8,5	9,0	8,5	0012345678910	0123456789
60	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD			8,0	7,0	7,0	7,3	0012345678910	0123456789
61	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD			7,0	7,5	7,75	7,4	0012345678910	0123456789
62	15138066	Nguyễn Minh Thoại	DH15TD			7,5	7,0	7,5	7,3	0012345678910	0123456789
63	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD			8,0	7,5	7,0	7,5	0012345678910	0123456789
64	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD			7,5	6,0	6,0	6,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 00458

Trang 5/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: Đo lường & Đ.khiển bằng máy tính (207512) - 01

CBGD: Lê Văn Bận (313)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
65	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD			8,75	8,5	9,0	8,8	0012345678910	0123456789
66	18138089	Trần Lê Triều	DH18TD			7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
67	18138095	Đào Đức	DH18TD			7,5	7,0	7,0	7,2	0012345678910	0123456789
68	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD			7,75	7,0	7,5	7,4	0012345678910	0123456789
69	18138097	Phan Bá	DH18TD			✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
70	18138098	Lý Hồng	DH18TD			7,0	7,0	7,0	7,0	0012345678910	0123456789
71	18138099	Nguyễn Anh	DH18TD			8,5	7,0	8,0	7,8	0012345678910	0123456789
72	18138102	Ngô Lương	DH18TD			7,0	0	0	2,3	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

PGS.TS. Nguyễn Huy Bích



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CS kỹ thuật điều khiển tự động (207533) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
2	17138001	Huỳnh Hoài Bảo	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
3	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
4	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD				7.5	8	7.9	0012345678910	0123456789
5	17138016	Hồ Hiến	DH17TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
6	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
7	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD				8	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
8	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
9	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
10	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD				8	7	7.3	0012345678910	0123456789
11	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
12	17138039	Lê Quang PHiếu	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
13	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
14	17138044	Nguyễn Linh Sang	DH17TD				8	8	8.0	0012345678910	0123456789
15	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD				7.5	8	7.9	0012345678910	0123456789
16	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD				7.5	7	7.2	0012345678910	0123456789



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2020 - 2021

Môn học - Nhóm: CS kỹ thuật điều khiển tự động (207533) - 01

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138048	Đỗ Lý Việt Thắng	DH17TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
18	17138050	Lê Đức Thịnh	DH17TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
19	17138056	Nguyễn Nhật Tiến	DH17TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
20	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD				8	8	8,0	0012345678910	0123456789
21	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD				7,5	7	7,2	0012345678910	0123456789

Số lượng vắng: 0

Hiện diện: 21

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Cao Đức Lợi

TS. Nguyễn Đức Khuyến

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Cao Đức Lợi